

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định 1766/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành;

Căn cứ Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Khai thác mỏ đất san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 17/1/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án

khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH dịch vụ thương mại Sơn Vũ 68;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 457TTr-STNMT ngày 26/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH dịch vụ thương mại Sơn Vũ 68 (mã số doanh nghiệp: 2803071668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, địa chỉ: 8/37 Hàn Mạc Tử, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ 93.000 m², trong đó: Khu vực 1 có diện tích 41.053 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10; Khu vực 2 có diện tích 51.947 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 11, 12, 13 và 14, có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mức sâu khai thác thấp nhất:

+ Khu vực 1: +8,0 m;

+ Khu vực 2: +22,0m.

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 1.743.523 m³, trong đó: Khu vực 1 là 848.457 m³; Khu vực 2 là 895.066 m³.

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 1.743.523 m³, trong đó: Khu vực 1 là 848.457 m³; Khu vực 2 là 895.066 m³.

- Trữ lượng khai thác: 1.593.941 m³, trong đó: Khu vực 1 là 746.822 m³; Khu vực 2 là 847.119 m³.

- Công suất khai thác: 109.000 m³/năm.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 15 năm kể từ ngày ký giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 04 tháng.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: làm vật liệu san lấp.

Điều 2. Công ty TNHH dịch vụ thương mại Sơn Vũ 68 có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan và các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm

quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Nhân dân, không vận chuyển quá tải trọng, quá khổ giới hạn, chịu trách nhiệm sửa chữa hư hỏng, hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông và các công trình khác có liên quan do quá trình khai thác, vận chuyển gây ra.

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

9. Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan trong việc khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm trong quá trình khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ nêu trên.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH dịch vụ thương mại Sơn Vũ 68 chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai

thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Cục Khoáng sản Việt Nam (đề b/c);
- Các Sở: TN&MT, GTVT, XD, NN&PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành;
- Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Sơn Vũ 68;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SẠN TẠI XÃ
THÀNH TÂM, HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực khai thác	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000	
		Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 1 $S_1 = 41.053 \text{ m}^2$	1	2224 610	580 710
	2	2224 690	580 765
	3	2224 689	580 793
	4	2224 548	580 816
	5	2224 501	580 777
	6	2224 397	580 797
	7	2224 273	580 730
	8	2224 278	580 688
	9	2224 447	580 658
	10	2224 560	580 686
Khu vực khai thác 2 $S_2 = 51.947 \text{ m}^2$	11	2223 986	580 965
	12	2223 888	581 081
	13	2223 641	580 853
	14	2223 756	580 737
Diện tích khu mỏ: 93.000 m²			